TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 11/3/2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giang

Bà Đặng Thị Em

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Huỳnh Thị Hồng Luyến - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Nghiên – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 200/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025 về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2026; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn C, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu V, phường L, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1993. (có mặt)

Địa chỉ: Khu V, phường L, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Nguyễn Thị L tự nguyện thành hôn và tổ chức đám cưới năm 2024, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (cũ), ngày 14/6/2024, thời gian đầu chung sống hạnh

phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng bất đồng quan điểm, không hàn gắn được và đã ly thân từ tháng 9 năm 2025 cho đến nay, nên yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Hai vợ chồng có 10 chỉ vàng 24k bà L quản lý, giá trị 150.000.000 đồng nay yêu cầu chia 02.

Nợ chung: Không có

Bị đơn Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Văn C tự nguyện thành hôn tháng 9 năm 2024 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (cũ), ngày 14/6/2024, thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến không hạnh phúc. Nay bà đồng ý ly hôn với ông Lê Văn C.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Vợ chồng có 10 chỉ vàng 24k do bà quản lý, sau khi thành hôn bà bán 10 chỉ vàng 24k năm 2024 với số tiền 108.000.000 đồng, bà chi trả nợ cho ông Lê Văn C là 20.000.000 đồng, tiền mua xe honda biển số 95NA – 025.70 do Nguyễn Thị L đứng tên là 28.000.000 đồng, tiên nhà trọ mỗi tháng 2.300.000 đồng x 11 tháng là 25.300.000 đồng. Tiền điều trị bệnh mỗi tháng là 15.200.000/tháng x 8 tháng = 121.600.000.000 đồng. Tổng cộng 4 khoản tiền trên là 194.000.000 đồng. Qua yêu cầu của ông Lê Văn C tôi không đồng ý chia tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về trình tự, thủ tục.

[1.1] Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn", bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn khu vực 12 - Cần Thơ giải quyết là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị L tự nguyện thành hôn và tổ chức đám cưới năm 2024, có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân

dân (UBND) xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (cũ), ngày 14/6/2024, nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Lê Văn C, Hội đồng xét xử xét thấy: Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, dần về sau phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được, bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không hạnh phúc. Xét thấy, mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị L là trầm trọng, tại phiên tòa các bên thống nhất ly hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì ông Lê Văn C yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị L là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Không có

[2.4] Về tài sản chung: Các đương sự khai thống nhất có 10 chỉ vàng 24k là vàng cho trong ngày cưới do bà Nguyễn Thị L quản lý. Thống nhất giá trị giá vàng là 10 chỉ vàng trị giá 108.000.000 đồng, trừ chi phí trả nợ cho ông C là 12.000.000 đồng, chi phí mua xe Honda biển số 95NA – 025.70 giá 28.000.000 đồng, chi phí tiền nhà trọ trong thời gian chung sống làm công nhân tại thành phố Hồ Chí Minh 2.300.000 đồng/tháng x 11 tháng = 25.300.000 đồng, chi phí chữa bệnh cho bà L là 20.000.000 đồng, tổng các khoản chi phí là 85.300.000 đồng. Như vậy số tài sản chung còn là 108.000.000 đồng – 85.300.000 = 22.700.000 đồng : (chia) 2 = 11.350.000 đồng. Tại phiên Tòa các bên thống nhất giao chiếc xe honda biển số 95NA – 025.70 cho bà L sử dụng, có giá trị còn lại là 20.000.000 đồng, chia 2 bà L có trách nhiệm hoàn lại cho ông C số tiền 10.000.000 đồng. Tổng cộng bà L có trách nhiệm trả lại cho ông C số tiền 21.350.000 đồng.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Lê Văn C phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn C mỗi người phải nộp 1.067.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 9, Điều 56, Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn C.

2. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn C được ly hôn với bà Nguyễn Thị L. Giấy chứng nhận kết hôn số: 35, ngày 14/6/2024 do Ủy ban nhân dân xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (cũ) cấp không còn giá trị pháp lý.

3. Về con chung: Không có nên không đặt vấn đề giải quyết.

4. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm trả cho ông Lê Văn C số tiền 21.350.000 đồng (hai mươi mốt triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Bà Nguyễn Thị L được quyền quản lý sử dụng xe honda biển số 95NA – 025.70, Model code: SHARK.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn ông Lê Văn C phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng),* được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo lai thu số 0009071, lập ngày 10 tháng 11 năm 2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 – Cần Thơ. Ông Lê Văn C đã nộp xong án phí.

Án phí dân sự sơ thẩm ông Lê Văn C phải chịu 1.067.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 3.750.000 đồng *(Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* đã nộp theo lai thu số 0001799, lập ngày 23 tháng 01 năm 2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 – Cần Thơ. Ông Lê Văn C được nhận lại số tiền 2.683.000 đồng *(Hai triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn đồng)*. Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 1.067.000 đồng *(Một triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn đồng)*.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ;
- Các đương sự;
- VKSND KV12;
- Phòng THA KV12;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Nguyễn Đình Tiến